TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Nguyễn Đức Hoài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 273/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tô Trung Gi, sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 5, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987, địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 5, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Anh Tô Trung Gi trình bày:

Anh Tô Trung Gi và Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Tổ 03, khu phố 05, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng

thường cải vã nhau. Từ khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án đến nay vợ chồng đã tự sống ly thân, chị L về sống tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch. Nay Anh Gi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với Chị Nguyễn Thị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Tô Thiên L, sinh năm: 2011. Khi ly hôn, Anh Gi đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa Anh Gi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con chung Tô Thiên L, sinh ngày: 14/2/2011 đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Chị L thống nhất với trình bày của Anh Gi về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Nhưng theo chị L cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn do Anh Gi có quan hệ với người khác bên ngoài nhưng chị L vẫn bỏ qua và chị cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không đến mức trầm trọng để ly hôn, nên chị không đồng ý ly hôn với Anh Gi vì không muốn con không có cha.

Về con chung: Chị L thống nhất vợ chồng 01 con chung Tô Thiên L, sinh năm: 2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị L đồng ý trực tiếp nuôi con chung, chị L yêu cầu Anh Gi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng không yêu cầu mức cấp dưỡng cụ thể.

Tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Anh Tô Trung Gi có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với Chị Nguyễn Thị L.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: *Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Anh Tô Trung Gi được ly hôn với Chị Nguyễn Thị L. Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Anh Gi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Gi phải chịu án phí theo quy định.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* do nguyên đơn Anh Tô Trung Gi khởi kiện đối với bị đơn Chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại: Khu phố 5, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Tô Trung Gi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Trung Gi và Chị Nguyễn Thị L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn Anh Gi và chị L đều còn độc thân. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống Anh Gi và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Gi xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2014 do bất đồng quan điểm, chị L tính tình nóng nẫy, có nhiều lời nói xúc phạm cha mẹ Anh Gi, vợ chồng nhiều lần cải vã, xô xát, chị L còn gây thương tích cho Anh Gi. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L thừa nhận do nóng tính nên khi vợ chồng mâu thuẫn, cải vã thì có xô xát nhưng không gây thương tích cho Anh Gi, chị L cũng không có lời nói xúc phạm cha mẹ chồng mà cha mẹ chồng còn bênh vực chị L. Trong thời gian sống chung vợ chồng mâu thuẫn, cải vã nhưng không lớn đến mức ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng không nghiêm trọng như Anh Gi trình bày. Theo chị L mâu thuẫn vợ chồng mà Anh Gi muốn ly hôn là do Anh Gi có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn thương vợ con, muốn ly hôn nhưng chị L chấp nhận tha thứ và mong Anh Gi quay về chung sống để lo cho con chung, chị L không đồng ý vì còn thương chồng, không muốn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị L cho rằng còn tình cảm với Anh Gi, muốn vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy Anh Gi và chị L hiện không còn chung sống với nhau. Chính quyền địa phương nơi Anh Gi và chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và từng sinh sống (Khu phố 5, thị trấn Chơn Thành) xác nhận Anh Gi và chị L mâu thuẫn do Anh Gi có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng mâu thuẫn. Sau đó chị L có về sống cùng nhà chồng tại khu phố 5, thị trấn Chơn Thành nhưng Anh Gi không thường xuyên về nhà. Theo biên bản xác minh tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành được biết trước đây vợ chồng chị L có làm nhà, sinh sống tại khu phố Trung Lợi sau đó chị L chuyển đến khu phố 5 (nhà chồng) sống. Thời gian gần đây thấy chị L đã về sống tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành còn Anh Gi sống tại khu phố 5, thị trấn Chơn Thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để Anh Gi và chị L về đoàn tụ nhưng không thành, Anh Gi vẫn

cương quyết xin ly hôn, chị L không tham gia phiên tòa, có thái độ bỏ mặc, không quan tâm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có trình bày hiện chị L đang có thai nên không muốn ly hôn nhưng trình bày của chị L không được Anh Gi thừa nhận. Tòa án cũng thông báo cho chị L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nhưng hết thời hạn yêu cầu mà chị L không cung cấp nên không có cơ sở để HĐXX xem xét, giải quyết.

Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh Gi và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Anh Tô Trung Gi, cho Anh Gi được ly hôn với Chị Nguyễn Thị L.

[2.2].Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng Anh Gi, chị L có 01 con chung Tô Thiên L, sinh ngày: 14/02/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Gi và chị L thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, Anh Gi cũng thống nhất với thỏa thuận nuôi con chung trước đây, không có yêu cầu thay đổi. Cháu Tô Thiên L, sinh ngày 14/02/2011 đã trên 7 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu L cũng nêu nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên cần giao con chung Tô Thiên L, sinh ngày 14/02/2011 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu Anh Gi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, Anh Gi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy mức cấp dưỡng do Anh Gi tự nguyện nêu ra cũng phù hợp với tình hình kinh tế chung tại địa phương nên cần ghi nhận. Anh Tô Trung Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Tô Thiên L, sinh ngày: 14/02/2011 mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do Anh Gi là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện VKS tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9,11, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, 271, điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Tô Trung Gi.

- Về quan hệ hôn nhân*:* Cho Anh Tô Trung Gi được ly hôn với Chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung Tô Thiên L, sinh ngày: 14/02/2011 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Anh Gi, Anh Tô Trung Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Tô Thiên L, sinh ngày: 14/02/2011 mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Tô Trung Gi phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đông đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003748 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Anh Gi còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
-*UBND thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà